

Số: /QĐ-PTDTNT THPT MN

Mường Nhé, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, năm 2026 của Trường PTDTNT THPT Mường Nhé

Căn cứ Luật ngân sách số 89/2025/QH15 của Quốc hội ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú;

Căn cứ kết quả thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, năm 2026 của Trường PTDTNT THPT Mường Nhé;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm, năm 2026 của Trường PTDTNT THPT Mường Nhé (Có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Hiệu trưởng, tổ trưởng các tổ chuyên môn, kế toán và viên chức, người lao động trong đơn vị thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở GD&ĐT Điện Biên; (đề b/c)
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Hạ

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN
THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM, NĂM 2026**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-PTDNT THPTMN ngày /7/2026 của
Hiệu trưởng Trường PTDNT THPT Mường Nhé)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	0
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	0	0
1	Chi sự nghiệp....				
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	0	0
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ	0	0	0	0

	tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	0	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo</i>				
-	<i>Nhiệm vụ chuyển đổi số</i>				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	31.764,73	15.043,60	47,49%	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	90,64	0	0	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (không bao gồm các CT MTQG)	31.674,09	15.043,60	47,49%	
	Kinh phí chi tiền lương và các khoản đóng góp theo tiền lương, chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý, các khoản chi khác	16.280,64	9.038,50	55,52%	
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương</i>	92.400	0	0	
	<i>- Kinh phí tiết kiệm thêm 10% bổ sung nguồn chi an sinh xã hội</i>	92.400	0	0	
	Tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	409.520	0	0	
	Cấp bù học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	68,395	36,525	53,40%	
	Hỗ trợ HBHS DTNT theo NĐ 84	11.159,97	0	0	
	Hỗ trợ học sinh thôn, xã đặc biệt	3.717,19	436,71	11,75%	

	khó khăn theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP				
	Hỗ trợ học tập theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP	90	48,39	53,77%	
	Hợp đồng giáo viên thỉnh giảng	0	0	0	
	Gia hạn phần mềm kế toán Misa	10	10	100%	
	Phần mềm quản lý cán bộ	15	15	100%	
	Phần mềm quản lý tài sản	12	0	0	
	Chương trình MTQG phát triển Kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:	0	0	0	
	<i>Tiểu dự án 3 của dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN (sự nghiệp giáo dục)</i>	0	0	0	
	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:	0	0	0	
	<i>Tiểu dự án 1 dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn (dự nghiệp giáo dục) (mã CTMT: 00474; nguồn ngân sách trung ương)</i>	0	0	0	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0	0
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chỉ bảo đảm xã hội	0	0	0	0
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chỉ hoạt động kinh tế	0	0	0	0
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0	0
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				

7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0	0
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0	0
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0	0
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi				

	trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				

8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				